

Số: 437 /BC-UBND

Nghi Xuân, ngày 27 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện, tiến độ, hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do cấp tỉnh quyết định đầu tư từ năm 2011 đến 30/6/2017

Thực hiện Công văn số 293/HĐND-ĐGS ngày 11/9/2017 của Đoàn giám sát Thường trực HĐND tỉnh về báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề “ Tình hình, tiến độ, hiệu quả của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ, hiệu quả đầu tư XD trên địa bàn huyện Nghi Xuân sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do cấp tỉnh quyết định đầu tư từ năm 2011 đến 30/6/2017 cụ thể như sau:

1. Đánh giá chung:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng tại địa phương: Quá trình triển khai thực hiện các dự án từ bước chuẩn bị đầu tư đến kết thúc dự án bàn giao đưa vào khai thác sử dụng, thanh quyết toán vốn đầu tư. Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện theo đúng quy trình được quy định theo các văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

b) Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư; lập thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán các dự án đầu tư xây dựng:

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và kể từ ngày 05/8/2015 là thực hiện theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và kể từ ngày 10/5/2015 là thực hiện theo Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; các văn bản, hướng dẫn liên quan khác;

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QHH13, ngày 18/6/2014 và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Theo đó việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã thực hiện đúng quy trình và theo phân cấp; các dự án trước khi phê duyệt đều được các sở, phòng chuyên ngành thẩm định đề trình UBND các cấp phê duyệt theo thẩm quyền.

c) Công tác đấu thầu và ký kết, thực hiện hợp đồng

- Về công tác đấu thầu:

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP, ngày 15/10/2009; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hiện hành khác có liên quan của Nhà nước.

Theo hướng dẫn công tác lựa chọn nhà thầu được chia thành 2 gian đoạn:

* Giai đoạn Luật số 61/2005/QH11 và Nghị định số 85/2009/NĐ-CP, ngày 15/10/2009 còn hiệu lực thì Đối với các gói thầu tư vấn dưới 3 tỷ đồng và xây lắp dưới 5 tỷ đồng, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu thực hiện bằng hình thức chỉ định thầu; các gói thầu còn lại sử dụng hình thức đấu thầu

* Giai đoạn Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 có hiệu lực thì:

Đối với các gói thầu tư vấn dưới 500 triệu đồng và xây lắp dưới 01 tỷ đồng, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu thực hiện bằng hình thức chỉ định thầu. Đối với các gói thầu tư vấn trên 500 triệu đồng và xây lắp trên 01 tỷ đồng Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu bằng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước. Quy trình đấu thầu rộng rãi trong nước được thực hiện như sau:

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư đăng tải thông tin lên mạng đấu thầu Quốc gia và thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu.

+ Với chức năng được giao, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ mời thầu, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.

+ Sau khi hồ sơ mời thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư trực tiếp đăng tải thông tin mời thầu lên Hệ thống đấu thầu điện tử với tài khoản riêng đã được Bộ Kế hoạch & Đầu tư cấp. Đồng thời gửi thông tin đăng thông báo mời thầu lên Báo đấu thầu.

+ Tối thiểu sau 3 ngày đăng báo, Chủ đầu tư tổ chức bán hồ sơ mời thầu trực tiếp tại các địa điểm thuộc các ban quản lý xây dựng cơ bản được Ủy ban nhân dân huyện giao thực hiện quản lý đầu tư XDCB của từng công trình cụ thể.

+ Tùy vào giá gói thầu và tính chất gói thầu thì có thời gian bán hồ sơ khác nhau.

+ Kết thúc thời gian bán hồ sơ mời thầu theo quy định thì Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu tiến hành mở thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu, thương thảo hợp đồng; trình cấp thẩm quyền phê duyệt thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Chủ đầu tư gửi thông báo trúng thầu đến các nhà thầu liên quan và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu lên mạng đấu thầu Quốc gia.

Tính từ năm 2011 đến 30/6/2017 đã tổ chức lựa chọn 157 gói thầu

Trong đó: Đấu thầu rộng rãi trong nước: 36 gói; Chỉ định thầu: 119 gói (chủ yếu là các gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát thi công và bảo hiểm công trình)

- Về ký kết và thực hiện hợp đồng: Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc quyết định chỉ định thầu của cấp có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân huyện, ủy ban nhân dân xã tiến hành ký kết hợp đồng với các đơn vị trúng thầu để triển khai thực hiện.

d) Công tác GPMB: Các công trình sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án thì UBND huyện thành lập ngay Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB, (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB do một phó Chủ tịch UBND huyện làm chủ tịch Hội đồng và các công chức, viên chức của các phòng, ban thuộc UBND huyện, chủ tịch UBND, công chức địa chính các địa phương hưởng lợi là thành viên Hội đồng) để tiến hành triển khai công tác bồi thường GPMB

đ) Công tác quản lý chất lượng công trình:

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và kể từ ngày 01/7/2015 là thực hiện theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Khi công trình chuẩn bị triển khai thực hiện: Chủ đầu tư thành lập một Ban quản lý công trình, trong đó có cán bộ kỹ thuật đầy đủ năng lực, kinh nghiệm chịu trách nhiệm giám sát chất lượng công trình. Ngoài ra Chủ đầu tư còn chỉ định thêm một đơn vị tư vấn giám sát thay mặt chủ đầu tư thường xuyên giám sát chất lượng công trình tại hiện trường; đồng thời có báo cáo thông tin công trình gửi kèm hồ sơ thiết kế đến cơ quan quản lý nhà nước cấp quyết định đầu tư được biết.

- Trước khi thi công đơn vị tư vấn thiết kế bàn giao mặt bằng, tim mốc cho đơn vị thi công và các bên liên quan để triển khai thực hiện.

- Quá trình nghiệm thu công việc, hạng mục công trình luôn tuân thủ các quy định hiện hành.

e) Công tác quyết toán vốn đầu tư:

Sau khi công trình thi công hoàn thành, các bên liên quan nghiệm thu kỹ thuật và lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý Nhà nước của cấp quyết định tư kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao. Khi được đồng ý chấp nhận nghiệm thu bằng văn bản của các cơ quan chuyên môn thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng cho đơn vị quản lý. Sau khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng Ban quản lý công trình phối hợp với các bên tham gia thực hiện tiến hành quyết toán để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Đến nay đã quyết toán được 16 công trình, giá trị quyết toán A-B là 160.359 triệu đồng, giá trị thẩm tra, phê duyệt là 159.526 triệu, giảm 833 triệu đồng

2. Tình hình triển khai , thực hiện các dự án đầu tư xây dựng:

- Từ năm 2011 đến 30/6/2017 trên địa bàn huyện có 33 dự án, công trình do UBND tỉnh quyết định đầu tư trong đó 28 công trình do UBND huyện là chủ đầu tư, 05 công trình do UBND xã làm chủ đầu tư:

+ Danh mục dự án: có biểu số 01 và 02 đính kèm,

+ Tổng hợp kết quả đấu thầu: Có biểu số 03 đính kèm

+ Tiến độ triển khai các dự án đầu tư:

- Đánh giá chung về tình hình triển khai các dự án đầu tư: Nhìn chung các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư do xác định được mục tiêu và tầm quan trọng của các dự án đầu tư nên ngay từ khâu chuẩn bị đầu tư lập dự án đã triển khai đúng quy hoạch, đúng định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nên quá trình thực hiện được thuận lợi, các dự án cơ bản đảm bảo đúng tiến độ.

- Các yếu tố tác động đến tiến độ:

+ Do công tác bồi thường GPMB: Công tác bồi thường GPMB thường gặp khó khăn, khi áp giá tài sản, đất đai một số hộ dân vì lợi ích cá nhân nên thường gây cản trở cho rằng đơn giá quy định của Nhà nước không đáp ứng được nhu cầu thực tế nên gây cản trở, vì vậy phải tuyên truyền thuyết phục mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ các công trình, đặc biệt là các công trình giao thông, đê điều.

+ Do thời tiết: Các công trình giao thông, thủy lợi chậm tiến độ cũng có nguyên nhân khách quan là thời tiết không thuận lợi (mưa nhiều) nên việc lấy đất đắp cho các công trình là rất khó khăn vì phương tiện không vào được các mỏ để lấy đất được.

+ Do thiếu vốn: Một số công trình do thiếu vốn nên kéo dài thời gian thi công.

- Các dự án chậm tiến độ: có biểu số 04 kèm theo

- Tình hình huy động, bố trí và giải ngân vốn.

+ Lũy kế bố trí vốn giai đoạn 2011-2015 là 235,945 tỷ đồng. Chi tiết từng công trình có biểu số 01 kèm theo.

+ Lũy kế bố trí vốn giai đoạn 2016-2017 là 80,511 tỷ đồng. Chi tiết từng công trình có biểu số 02 kèm theo.

+ Tình hình giải ngân và tạm ứng vốn giai đoạn 2011-2015 là 227,058 tỷ đồng. Chi tiết từng công trình có biểu số 05,06 kèm theo.

+ Tình hình giải ngân và tạm ứng vốn giai đoạn 2016-2017 là 83,668 tỷ đồng. Chi tiết từng công trình có biểu số 05, 06 kèm theo.

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: Đã quyết toán được 16 công trình, với tổng giá trị quyết toán

là 159,526 tỷ đồng. Chi tiết từng công trình có biểu số 07 kèm theo. Hiện nay đang tập hợp hồ sơ để trình thẩm định và phê duyệt quyết toán 04 công trình

- Tình hình xử lý nợ đọng XD/CB đến ngày 31/12/2014 trong các năm 2015,2016,2017: nợ đọng đến 31/12/2014 là 15,682 tỷ đồng, trong năm 2015,2016 đã trả nợ được 14,114 tỷ đồng; hiện nay còn nợ 0,416 tỷ đồng. Chi tiết các công trình có biểu 08 kèm theo

- Lũy kế khối lượng hoàn thành đến hết 30/6/2017 chưa có nguồn thanh toán là 25,742 tỷ đồng Có biểu số 09 kèm theo

3. Đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư XD giai đoạn 2011-2017 thuộc thẩm quyền quản lý.

- Sự cần thiết của dự án: 33 công trình được đầu tư là các công trình cộng đồng phục vụ nhu cầu cần thiết của cộng đồng dân cư, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh tế nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

- Đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Các dự án được đầu tư đều phù hợp với chủ trương, quyết định đầu tư về quy mô, mục tiêu, tính chất và địa điểm, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế của Nghi Xuân, các dự án hoàn thành sẽ tạo nên một cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nên không có dự án kém hiệu quả.

- Đánh giá tác động của dự án ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội, lợi ích cộng đồng: Các dự án được đầu tư là phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư, là các dự án phục vụ nhu cầu đi lại, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân nhằm phát triển kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập cho nhân dân; đáp ứng về hạ tầng các trường học tạo điều kiện tốt hơn cho nhu cầu giảng dạy của giáo viên và học sinh.

- Đánh giá tình hình thực trạng kinh tế- kỹ thuật, so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt: Các dự án được triển khai thi công đúng với các chỉ tiêu kỹ thuật được phê duyệt.

- Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án: Công tác chất lượng được quan tâm hàng đầu, trong quá trình thực hiện thi công dự án đều tuân thủ các quy trình nghiệm thu từ vật liệu đầu vào, nghiệm thu từng bộ phận, nghiệm thu từng giai đoạn và nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Thực trạng các dự án đầu tư kém hiệu quả: không có công trình nào kém hiệu quả (có biểu số 10 kèm theo).

4. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư; kết quả xử lý qua thanh tra kiểm tra, kiểm toán.

a) Đánh giá công tác giám sát:

Định kỳ mỗi năm công tác đánh giá đầu tư được thực hiện 2 lần (6 tháng đầu năm và cả năm). Báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư là hoạt động định kỳ theo kế hoạch nhằm phân tích, đánh giá kết quả đầu tư, xác định mức độ đạt được so

với quy hoạch, kế hoạch trong từng thời kỳ hay từng giai đoạn; phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đầu tư cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hay giai đoạn kế hoạch sau.

b) Kết quả xử lý qua thanh tra, kiểm tra:

- Về thanh tra, kiểm tra: Đoàn Thanh tra của Sở Tài chính đã thanh tra các công trình đầu tư, đã phát hiện nhưng sai sót và yêu cầu xử lý theo kết luận tại Quyết định số 791/QĐ-TT ngày 28/3/2016 của Chánh Thanh tra sở Tài chính. Ủy ban nhân dân huyện đã nghiêm túc khắc phục các sai phạm cụ thể như sau:

*** Thu hồi về NS tỉnh:**

+ Theo QĐ của thanh tra: 1.976.196.000đ

+ Đã thực hiện: Các đơn vị đã nộp vào TK tạm giữ của Sở Tài chính: 1.976.196.000đ

*** Giảm trừ thanh toán:**

+ Theo QĐ của thanh tra: 294.401.000đ

+ Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện: 294.401.000đ

*** Giảm hợp đồng:**

+ Theo QĐ của thanh tra: 16.902.000đ

+ Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện: 16.902.000đ

Hàng năm đoàn thanh tra chuyên ngành của sở xây dựng thường xuyên kiểm tra các công trình, đã chỉ ra nhưng sai sót, hạn chế và chất lượng, các biện pháp an toàn. Ban quản lý công trình đã tiếp thu và chấn chỉnh, khắc phục

- Về kiểm toán: Từ năm 2011 đến nay đã có 4 đoàn kiểm toán về kiểm toán các công trình đầu tư XDCB trên địa bàn huyện, đã phát hiện nhưng sai sót được thể hiện trong các báo cáo và Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành thực hiện cụ thể như sau:

* Biên bản kiểm toán việc quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2010, lập ngày 15/5/2011

+ Giám trừ nghiệm thu thanh toán công trình Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, giai đoạn 1 là 343.346.797đ

* Báo cáo kiểm toán ngân sách, tiền, tài sản Nhà nước năm 2012 lập ngày 13/6/2013

+ Giám trừ nghiệm thu thanh toán: 269.069.000đ, trong đó: Nâng cấp đê Hội thống đoạn từ K0-K5 là 183.391.000đ; Tiêu úng Yên-Mỹ -Thành là 85.678.000đ

+ Giảm hợp đồng công trình nâng cấp đường liên xã Tiên- Yên là 444.868.000đ

* Báo cáo kiểm toán việc quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2012, lập ngày 28/6/2013

+ Giám trừ nghiệm thu thanh toán các gói thầu công trình Đê hữu Sông Lam 544.744.000đ

* Báo cáo kiểm toán số 88, ngày 4/12/2016 về việc Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015

+ Giám trừ nghiệm thu là 488.889.000đ, trong đó Công trình Hạ tầng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên là 81.375.000đ; công trình Nâng cấp đường Gia lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m và các đoạn còn lại K4+600-K6+649 (tuyến 1) là 407.514.000đ

5. Khó khăn, hạn chế.

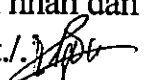
- Quá trình triển khai thực hiện các dự án thì gặp những khó khăn như công tác bồi thường, GPMB một số dự án còn chậm, gặp khó khăn, khi áp giá tài sản, đất đai một số hộ dân vì lợi ích cá nhân nên thường gây cản trở cho rằng đơn giá quy định của Nhà nước không đáp ứng được nhu cầu thực tế nên gây cản trở, vì vậy phải tuyên truyền thuyết phục mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ các công trình, đặc biệt là các công trình giao thông, đê điều.

- Một số dự án do thiếu vốn nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công


6. Kiến nghị đề xuất:

- Đề nghị lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm hơn nữa về việc bố trí đủ và kịp thời nguồn vốn để trả nợ cho các công trình đã và đang xây dựng, nhất là các công trình đã đưa vào sử dụng và đã quyết toán dự án hoàn thành;

7. Đối với các công trình, dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Đề nghị giám sát công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên và có hướng giải quyết.

Trên đây là tình hình thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình năm 2011 đến tháng 6 năm 2017 do UBND tỉnh quyết định đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Đoàn giám sát Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét. 

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - Lưu: VP, TCKH.
- Gửi VB giấy và điện tử. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Nam



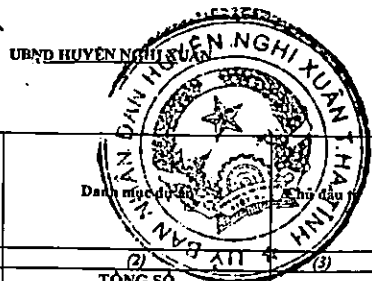
Biểu số 01. TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT VÀ BỔ TRỊ VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2015

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu			Số lần điều chỉnh quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)			Lũy kế vốn bổ trợ giai đoạn 2011-2015				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020				Ghi chú	
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Các nguồn vốn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
TỔNG SỐ				1.064.443	400.696	1	0	109.267	68.054	235.945	55.950	151.079	28.915	727.617	266.658	460.569	390		
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			737.744	400.696	-	-	68.054	68.054	85.266	55.950	29.316	-	602.641	266.658	335.983	-	-	-
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đề sông			117.133	117.133	0	0	68.054	68.054	69.016	39.700	29.316	0	2.095	595	1.500	0	0	0
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015			117.133	117.133			68.054	68.054	69.016	39.700	29.316	-	2.095	595	1.500	-	-	-
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Hải, Xuân Phả, Xuân Đan	2826/QĐ-UBND 28/9/2010 của UBND tỉnh	109.219	109.219	1	0	68.054	68.054	65.364	39.700	25.664	2.095	595	1.500			Đã Quyết toán
2	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê Hội Thống, huyện Nghi Xuân	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội	3345/QĐ-UBND 25/10/2013 của UBND tỉnh	7.914	7.914					3.652		3.652						Đã thi công hoàn thành, chưa QT
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản			36.767	30.500	0	0	0	0	16.250	16.250	0	0	16.703	13.000	3.703	0	0	0
II.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020			36.767	30.500	-	-	-	-	16.250	16.250	-	-	16.703	13.000	3.703	-	-	-
1	Hạ tầng giao thông, điện vùng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Liên	3224/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh	12.500	12.500					11.250	11.250		816		816			Đã thi công hoàn thành, chưa QT
2	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đan - Xuân Phả - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xuân Đan, Xuân Phả, Xuân Hải	3248/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh	24.267	18.000					5.000	5.000		15.887	13.000	2.887			Đang thi công dở dang
III	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch			212.219	133.063	0	0	0	0	0	0	0	0	212.219	133.063	79.156	0	0	0
III.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020			212.219	133.063	-	-	-	-	-	-	-	-	212.219	133.063	79.156	-	-	-
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (Giai đoạn 2)	UBND huyện Nghi Xuân	TT Xuân An, xã Xuân Giang, TT Nghi Xuân, Tiến Điền	789/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh	212.219	133.063								212.219	133.063	79.156			Đang thi công dở dang
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư			371.624	120.000	0	0	0	0	0	0	0	0	371.624	120.000	251.624	0	0	0
IV.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020			371.624	120.000	-	-	-	-	-	-	-	-	371.624	120.000	251.624	-	-	-
1	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn từ K27+00 đến K37+441,66) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián	3093/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	371.624	120.000								371.624	120.000	251.624			Đang thực hiện công tác TKBVTC
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			294.219	-	1	-	41.213	-	121.763	-	121.763	-	124.586	-	124.586	-	-	-
I	Công trình Thủy lợi			75.064	-	-	-	-	-	31.095	-	31.095	-	6.255	-	6.255	-	-	-
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015			26.265	-	-	-	-	-	21.479	-	21.479	-	261	-	261	-	-	-
1	Tiêu úng các xã Yên- Mỹ- Thành	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Yên, Xuân Mỹ, Xuân Thành	2006/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của UBND tỉnh	14.999	-					12.479		12.479						Đã Quyết toán

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Số lần điều chỉnh quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)		Lũy kế vốn bỏ trị giá đoạn 2011-2015				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020			Chú thích				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Các nguồn vốn khác		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác	
2	Kè nạo vét lạch Xuân Thành	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Thành	3555/QĐ-UBND ngày 8/11/2010 của UBND tỉnh	11.265				9.000			9.000			261			261		Đã Quyết toán
I.2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				48.800	-	-	-	9.616	-	-	9.616	-	-	5.994	-	-	5.994	-	
1	Sửa chữa nâng cấp Đập Đồng Trày, xã Xuân Viên	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Viên	1194/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh	42.441				8.616			8.616			1.450			1.450		Đã TC hoàn thành theo điểm đùng kỹ thuật
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh Nước	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Cương Gián	2602/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh	6.359				1.000			1.000			4.544			4.544		Đã Quyết toán
II	Công trình Giao thông				173.972	-	1	-	41.213	-	-	66.146	-	-	102.331	-	-	102.331	-	
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015				7.985	-	-	-	6.763	-	-	6.763	-	-	1.222	-	-	1.222	-	
1	Đường giao thông trục chính kiểm đường cầu hộ, phòng chống lụt bão xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân	UBND xã Xuân Hội	Xã Xuân Hội	3186 ngày 30/1/2011	7.985				6.763			6.763			1.222			1.222		
II.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				165.987	-	1	-	41.213	-	-	59.383	-	-	101.108	-	-	101.108	-	
1	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NITTS xã Xuân Phố, Xuân Trường	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Mỹ, Xuân Phố, Xuân Đan, Xuân Hội	2286/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh	11.344				8.376			8.376			1.279			1.279		Đã Quyết toán
2	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Xuân An, xã Xuân Hồng	3936/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh	11.525				2.000			2.000			8.029			8.029		Đã Quyết toán
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Con Hò, xã Xuân Đan	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Đan	3869/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh	9.933				2.000			2.000			6.762			6.762		Đã thi công hoàn thành, chưa QT
4	Đường giao thông trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao xã Cổ Đạm	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Cổ Đạm	4147/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh	10.516				0			0			4.877			4.877		Đã Quyết toán
5	Tuyến đường GINT vào khu NITTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Mỹ, Cương Gián	1513/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh	6.576				1.500			1.500			4.693			4.693		Đã Quyết toán
6	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu Di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m còn lại thuộc đoạn Km4+600 - Km6+649,19 của Tuyến I	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân và các xã: Tiên Điền, Xuân Giang	2716/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh	17.098				8.000			8.000			8.328			8.328		Đã thi công hoàn thành, chưa QT
7	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Tiên Điền - Xuân Yên	Số 3268/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh	35.560		1	926/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh	41.213			29.507			11.706			11.706		Đang thi công dở dang
8	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Viên	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Viên	4353/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh	4.974										4.974			4.974		Đang thi công dở dang

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Số lần điều chỉnh quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)		Lũy kế vốn bỏ từ giai đoạn 2011-2015				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Các nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác
1	Trồng cây chắn sóng bảo vệ Tuyến đê hữu Sông Lam thuộc dự án Tuyến đê hữu Sông Lam	UBND huyện Nghi Xuân	TT Xuân An, xã Xuân Giang, TT Nghi Xuân, Tiên Điền	2279/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND huyện	1.999						1.738			1.738	223				Đã thi công hoàn thành, chưa QT
1.2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				30.481	0	0	0	0	0	27.177	0	0	27.177	167	0	0	167	
1	Tuyến đê hữu Sông Lam (giai đoạn 2)	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Tiên Điền - Xuân Hải	2024/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND huyện	30.481						27.177			27.177	167				Đã thi công hoàn thành, chưa QT



Biểu số 02. TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT VÀ BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2017

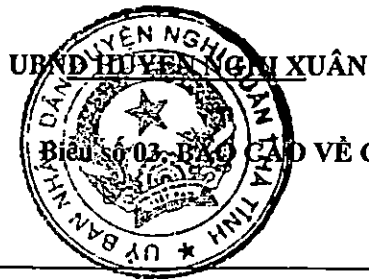
DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)				Lũy kế vốn bố trí giai đoạn 2016-2017				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2018-2020				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				1.047.304	399.446	0	109.267	68.054	78.028	33.549	44.480	0	647.968	234.609	412.969	390		
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông				117.133	117.133	0	68.054	68.054	38.802	33.549	5.254	-	563.839	234.609	329.230	-		
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015				117.133	117.133	-	68.054	68.054	1.500	1.500	0	0	595	595	0	0		
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Hải, Xuân Phố, Xuân Đan	2826/QĐ-UBND 28/9/2010 của UBND tỉnh	109.219	109.219		275/QĐ-UBND 01/02/2016 của UBND tỉnh	68.054	68.054	1.500	1.500		595	595			Đã Quyết toán	
2	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê Hội Thống, huyện Nghi Xuân	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội	3345/QĐ-UBND 25/10/2013 của UBND tỉnh	7.914	7.914												Đã thi công hoàn thành, chưa QT	
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản				36.767	29.250	0	0	0	14.094	13.000	1.094	0	2.609	0	2.609	0		
II.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				36.767	29.250	-	-	-	14.094	13.000	1.094	-	2.609	-	2.609	-		
1	Hạ tầng giao thông, điện vùng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Liên	3224/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh	12.500	11.250								816		816		Đã thi công hoàn thành, chưa QT	
2	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đan - Xuân Phố - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghi Xuân	Xuân Đan, Xuân Phố, Xuân Hải	3248/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh	24.267	18.000				14.094	13.000	1.094		1.793		1.793		Đang thi công dở dang	
III	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch				212.219	133.063	0	0	0	21.709	17.549	4.160	0	190.510	115.514	74.996	0		
III.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				212.219	133.063	-	-	-	21.709	17.549	4.160	-	190.510	115.514	74.996	-		
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (Giai đoạn 2)	UBND huyện Nghi Xuân	TT Xuân An, xã Xuân Giang, TT Nghi Xuân, Tiên Điền	789/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh	212.219	133.063				21.709	17.549	4.160		190.510	115.514	74.996		Đang thi công dở dang	
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				371.624	120.000	0	0	0	1.500	1.500	0	0	370.124	118.500	251.624	0		
IV.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				371.624	120.000	-	-	-	1.500	1.500	-	-	370.124	118.500	251.624	-		
1	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn từ K27+00 đến K37+441,66) từ xã Cổ Đàm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Cổ Đàm, Xuân Liên, Cương Gián	3093/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	371.624	120.000				1.500	1.500			370.124	118.500	251.624		Đang thực hiện công tác TKBVTC	
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				277.080	-	-	41.213	-	39.226	-	39.226	-	83.740	-	83.740	-		
I	Công trình Thủy lợi				75.064	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	5.255	-	5.255	-		
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015				26.265	-	-	-	-	-	-	-	-	261	-	261	-		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư chỉnh tâu cuối (nếu có)			Lấy kế vốn bố trí giai đoạn 2016-2017				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2018-2020			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác		Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác
1	Tiêu úng các xã Yên- Mỹ- Thành	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Yên, Xuân Mỹ, Xuân Thành	2006/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của UBND tỉnh	14.999													Đã Quyết toán
2	Kê nạo vét lạch Xuân Thành	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Thành	3555/QĐ-UBND ngày 8/11/2010 của UBND tỉnh	11.265									261		261		Đã Quyết toán
1.2	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>				48.800	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	4.994	-	4.994	-	
1	Sửa chữa nâng cấp Đập Đồng Trày, xã Xuân Viên	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Viên	1194/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh	42.441									1.450		1.450		Đã TC hoàn thành theo điểm dừng kỹ thuật
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh Nước	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Cương Gián	2602/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh	6.359					1.000		1.000		3.544		3.544		Đã Quyết toán
II	Công trình Giao thông				161.473	-	-	41.213	-	29.942	-	29.942	-	72.326	-	72.326	-	
II.1	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>				156.220	-	-	41.213	-	28.142	-	28.142	-	70.326	-	70.326	-	
1	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phổ, Xuân Trường	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Mỹ, Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Hội	2286/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh	11.344					1.279		1.279						Đã Quyết toán
2	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Xuân An, xã Xuân Hồng	3936/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh	11.525					3.000		3.000		5.029		5.029		Đã Quyết toán
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Con Hò, xã Xuân Đan	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Đan	3869/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh	9.933					2.863		2.863		3.899		3.899		Đã thi công hoàn thành, chưa QT
4	Đường giao thông trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao xã Cổ Đạm	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Cổ Đạm	4147/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh	10.516					3.000		3.000		1.877		1.877		Đã Quyết toán
5	Tuyến đường GTNT vào khu NTTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Mỹ, Cương Gián	1513/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh	6.576					1.500		1.500		3.193		3.193		Đã Quyết toán
6	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu Di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m còn lại thuộc đoạn Km4+600 - Km6+649,19 của Tuyến I	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân và các xã: Tiên Điền, Xuân Giang	2716/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh	17.098					8.000		8.000		328		328		Đã thi công hoàn thành, chưa QT
7	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Tiên Điền - Xuân Yên	Số 3268/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh	35.560			926/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh	41.213	2.000		2.000		9.706		9.706		Đang thi công dở dang

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)		Lấy kế vốn bố trí giai đoạn 2016-2017			Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2018-2020			Ghi chú				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác
8	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Viên	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Viên	4353/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh	4.974				1.500		1.500		3.474		3.474		Đang thi công dở dang	
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa, huyện Nghi Xuân (HL03)	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Xuân Mỹ, Xuân Thành, Cổ Đạm	3722/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của UBND tỉnh	39.320				0				39.320		39.320		Đang thi công dở dang	
10	Đường đồng ky đi đồng trăm xã Xuân Thành	UBND xã Xuân Thành	Thôn Thanh Văn	1205 ngày 09/4/2015	9.374				5.000		5.000		3.500		3.500		Đã hoàn thành	
II.2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020				5.253	-	-	-	1.800	-	1.800	-	2.000	-	2.000	-		
1	Đường đi qua khu mộ Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm	UBND xã Tiên Điền	Xã Tiên Điền	Số 1283/QĐ-UBND ngày 15/5/2017	5.253				1.800		1.800		2.000		2.000			
III	Công trình Dân dụng				33.574	0	0	0	8.284	0	8.284	0	6.030	0	6.030	0		
III.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015				9.134	0	0	0	1.100	0	1.100	0	805	0	805	0		
1	Cải tạo Trụ sở làm việc UBND&UBND huyện Nghi Xuân, KV1	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân	169/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh	5.866												Đã Quyết toán	
2	Nhà làm việc 02 tầng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Xuân	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân	157/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của UBND tỉnh	3.268				1.100		1.100		805		805		Đã Quyết toán	
III.2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				24.440	0	0	0	7.184	0	7.184	0	5.224	0	5.224	0		
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa Nguyễn Du	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân	733/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh	6.266				477		477		926		926		Đã Quyết toán	
2	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Trường	3714/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh	4.890				2.107		2.107		0,0592		0,0592		Đã Quyết toán	
3	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường Mầm non Xuân Hồng	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Hồng	1635/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh	10.441				3.000		3.000		3.522		3.522		Đã thi công hoàn thành, chưa QT	
4	Nhà học 02 tầng 6 phòng Trường Tiểu học và THCS Xuân Lĩnh	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Lĩnh	2757/QĐ-UBND ngày 16/7/2016 của UBND tỉnh	2.844				1.600		1.600		776		776		Đã Quyết toán	
IV	Công trình Hạ tầng kỹ thuật				6.969	-	-	-	-	-	-	-	129	-	129	-		
IV.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				6.969	-	-	-	-	-	-	-	129	-	129	-		
1	Khu tái định cư phục vụ Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội - Xuân Phổ	UBND huyện Nghi Xuân	Xã Xuân Hội	1469/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh	6.969				0		0		129		129		Đã Quyết toán	
C	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ				32.480	0	0	0	0	0	0	0	390	0	390	0		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối (nếu có)		Lũy kế vốn bố trí giai đoạn 2016-2017				Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2018-2020			Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Các nguồn vốn khác
I	Công trình Thủy lợi				32.480	0	0	0	0	0	0	0	390	0	0	390		
I.1	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015				1.999	0			0	0	0	0	223	0	0	223		
1	Trồng cây chắn sóng bảo vệ Tuyến đê hữu Sông Lam thuộc dự án Tuyến đê hữu Sông Lam	UBND huyện Nghi Xuân	TT Xuân An, xã Xuân Giang, TT Nghi Xuân, Tiên Điền	2279/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND huyện	1.999				0			0	223			223	Đã thi công hoàn thành, chưa QT	
I.2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				30.481	0			0	0	0	0	167	0	0	167		
1	Tuyến đê hữu Sông Lam (giai đoạn 2)	UBND huyện Nghi Xuân	Các xã: Tiên Điền - Xuân Hải	2024/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND huyện	30.481				0			0	167			167	Đã thi công hoàn thành, chưa QT	



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Biểu số 03-BTC BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC ĐẤU THẦU CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2017

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số gói thầu	Giá gói thầu	Giá trúng thầu	Giảm giá	Tỉ lệ tiết kiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số	192	490.552,03	488.549,21	2.002,82	-0,41%
I	Năm 2011	29	137.251,73	136.798,13	453,60	-0,33%
I.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	29	137.251,73	136.798,13	453,60	-0,33%
1	Phi tư vấn	6	1.622,85	1.622,85	0,00	0,00%
2	Tư vấn	17	8.869,84	8.456,82	413,01	-4,66%
3	Xây lắp	6	126.759,04	126.718,46	40,58	-0,03%
I.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	29	137.251,73	136.798,13	453,60	-0,33%
1	Rộng rãi	4	106.719,65	106.695,00	24,65	-0,02%
2	Hạn chế	2	20.039,39	20.023,46	15,93	-0,08%
3	Chỉ định thầu	23	10.492,69	10.079,67	413,01	-3,94%
II	Năm 2013	6	11.540,83	11.456,39	84,44	-0,73%
II.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	6	11.540,83	11.456,39	84,44	-0,73%
1	Phi tư vấn	2	162,74	145,16	17,57	-10,80%
2	Tư vấn	3	779,58	722,98	56,61	-7,26%
3	Xây lắp	1	10.598,51	10.588,25	10,26	-0,10%
II.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	6	11.540,83	11.456,39	84,44	-0,73%
1	Rộng rãi	1	10.598,51	10.588,25	10,26	-0,10%
2	Hạn chế	0	0,00	0,00	0,00	
3	Chỉ định thầu	5	942,32	868,14	74,18	-7,87%

TT	Danh mục dự án	Số gói thầu	Giá gói thầu	Giá trúng thầu	Giảm giá	Tỉ lệ tiết kiệm
III	Năm 2014	38	80.436,79	80.388,68	48,11	-0,06%
III.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	38	80.436,79	80.388,68	48,11	-0,06%
1	Phi tư vấn	8	455,56	455,56	0,00	0,00%
2	Tư vấn	21	4.343,61	4.343,61	0,00	0,00%
3	Xây lắp	9	75.637,62	75.589,51	48,11	-0,06%
III.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	38	80.436,79	80.388,68	48,11	-0,06%
1	Rộng rãi	6	62.035,50	62.011,39	24,10	-0,04%
2	Hạn chế	0	0,00	0,00	0,00	
2	Chỉ định thầu	32	18.401,29	18.377,29	24,00	-0,13%
IV	Năm 2015	49	97.321,96	96.700,60	621,36	-0,64%
IV.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	49	97.321,96	96.700,60	621,36	-0,64%
1	Phi tư vấn	9	1.730,49	1.550,49	180,00	-10,40%
2	Tư vấn	26	5.433,45	5.327,95	105,50	-1,94%
3	Mua sắm hàng hóa	1	1.374,79	1.367,20	7,59	-0,55%
4	Xây lắp	13	88.783,24	88.454,97	328,27	-0,37%
IV.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	49	97.321,96	96.700,60	621,36	-0,64%
1	Rộng rãi	12	74.507,83	74.172,79	335,04	-0,45%
2	Hạn chế	0	0,00	0,00		
3	Chỉ định thầu	37	22.814,14	22.527,82	286,32	-1,26%
V	Năm 2016	50	119.016,39	118.320,71	695,68	-0,58%
V.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	50	119.016,39	118.320,71	695,68	-0,58%
1	Phi tư vấn	10	1.893,48	1.712,95	180,53	-9,53%
2	Tư vấn	27	8.877,50	8.681,87	195,64	-2,20%

TT	Danh mục dự án	Số gói thầu	Giá gói thầu	Giá trúng thầu	Giảm giá	Tỉ lệ tiết kiệm
3	Xây lắp	13	108.245,41	107.925,89	319,52	-0,30%
V.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	15	38.464,24	38.347,70	116,54	-0,30%
1	Rộng rãi	5	37.130,87	37.030,12	100,75	-0,27%
2	Hạn chế	0	0,00	0,00		
3	Chỉ định thầu	10	1.333,37	1.317,59	15,79	-1,18%
VI	Năm 2017	20	44.984,33	44.884,70	99,63	-0,22%
VI.1	Theo lĩnh vực đấu thầu	20	44.984,33	44.884,70	99,63	-0,22%
1	Phi tư vấn	4	351,49	310,71	40,77	-11,60%
2	Tư vấn	12	7.447,60	7.423,80	23,81	-0,32%
3	Xây lắp	4	37.185,24	37.150,19	35,05	-0,09%
VI.2	Theo hình thức lựa chọn nhà thầu	20	44.984,33	44.884,70	99,63	-0,22%
1	Rộng rãi	8	43.552,06	43.493,22	58,84	-0,14%
2	Hạn chế	0	0,00	0,00		
2	Chỉ định thầu	12	1.432,26	1.391,48	40,79	-2,85%



Biểu số 04. TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHẠM TIỀN ĐỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chủ đầu tư/ Tên dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành (theo QĐ)	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2017	Lũy kế khối lượng thực hiện đến 30/6/2017	Lũy kế giải ngân đến 30/6/2017	Hạng mục/ nội dung/ thời gian chậm tiến độ	Số lần điều chỉnh tiến độ	Số, ngày quyết định điều chỉnh tiến độ	Nguyên nhân chậm tiến độ						Đề xuất phương án xử lý	Ghi chú		
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư							thủ tục đầu tư	công tác giải phóng mặt	năng lực chủ đầu tư, ban	năng lực các nhà thầu	bổ trí vốn	nguyên nhân khác			cụ thể	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
TỔNG SỐ						41.213	31.507	29.507	29.507												
DO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ						41.213	31.507	29.507	29.507												
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	Huyện Nghi Xuân	hoàn thành trong năm 2018	Số 3268/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh	41.213	31.507	29.507	29.507	Các đoạn tuyến chưa thi công: Từ Cọc C107 đến TC7 dài 221,24m và đoạn từ P10 đến C199 dài 322,7m (hiện nay tiến độ dự án được UBND tỉnh điều chỉnh đến năm 2018)	1	926/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh		x						Hiện nay trên tuyến còn 02 đoạn chưa GPMB được: Đoạn từ Cọc C107 đến TC7 dài 221,24m và đoạn từ P10 đến C199 dài 322,7m	- UBND huyện chỉ đạo Hội đồng BT- GPMB đẩy nhanh công tác GPMB các đoạn còn lại. - UBND tỉnh và các sở, ngành chấp thuận cho phép khai thác mỏ cát trên địa bàn để đáp ứng sản xuất khu ven đầm dân cư, phục vụ đi đò các hộ bị ảnh hưởng.	



Biểu số 05. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Năm kế hoạch	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:		
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ	316.455	347.620	310.726	265.942	7.973	98%
1	NĂM 2011	40.043	13.531	36.448	12.893	0	91%
2	NĂM 2012	39.500	47.858	43.095	42.117	0	109%
3	NĂM 2013	40.644	57.489	40.644	40.133	0	100%
4	NĂM 2014	63.995	36.695	37.518	35.518	0	59%
5	NĂM 2015	51.762	73.034	69.353	63.788	0	134%
6	NĂM 2016	59.598	81.777	68.484	56.309	141	115%
7	NĂM 2017	20.913	37.236	15.184	15.184	7.832	73%



Biểu số 06. CHI TIẾT GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

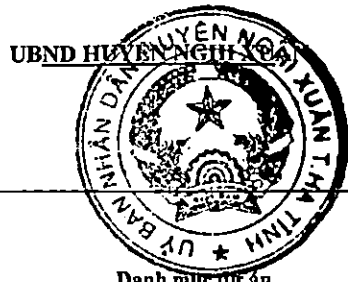
TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân	
				Tổng số	Trong đó gồm:			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	(8)
	TỔNG SỐ	40.043	13.531	36.448	12.893	23.555	0	91%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.164	2.217	4.164	2.217	1.947	0	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	4.164	2.217	4.164	2.217	1.947	0	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn I)	4.164	2.217	4.164	2.217	1.947		100%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	35.878	11.314	32.283	10.676	21.607	0	
I	Công trình Thủy lợi	19.116	3.438	15.521	3.438	12.083	0	
1	Tiểu úng các xã Yên-Mỹ-Thành	10.000	680	6.405	680	5.725		64%
2	Kê nạo vét lạch xã Xuân Thành	5.000	1.219	5.000	1.219	3.781		100%
3	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Đồng Trày, xã Xuân Viên	4.116	1.539	4.116	1.539	2.576		100%
II	Công trình giao thông	16.763	7.876	16.763	7.238	9.524	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tền Điền-Xuân Yên	10.000	476	10.000	476	9.524		100%
	Đường giao thông trục chính kèm đường cứu hộ, phòng chống lụt bão xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân	6.763	7.400	6.763	6.763	0		100%



Biểu số 06. CHI TIẾT GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân	
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	TỔNG SỐ	39.500	47.858	43.095	42.117	2.909	5.742	109%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	29.000	30.585	29.000	29.000	362	1.585	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	29.000	30.585	29.000	29.000	362	1.585	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1)	29.000	30.585	29.000	29.000	362	1.585	100%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.500	17.273	14.095	13.117	2.547	4.157	
I	Công trình Thủy lợi	0	7.752	3.595	3.595	1.568	4.157	
1	Tiêu úng các xã Yên-Mỹ-Thành		7.752	3.595	3.595	1.568	4.157	
II	Công trình giao thông	10.500	9.522	10.500	9.522	978		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tên Điện-Xuân Yên	10.500	9.522	10.500	9.522	978		100%



Biểu số 06. CHI TIẾT GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân	
				Tổng số	Trong đó gồm:			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	(8)
	TỔNG SỐ	40.644	57.489	40.644	40.133	1.593	17.347	100%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	24.800	24.289	24.800	24.289	511	0	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	20.200	19.717	20.200	19.717	483	0	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn I)	20.200	19.717	20.200	19.717	483		100%
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	4.600	4.572	4.600	4.572	28	0	
1	Hạ tầng giao thông, điện vùng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân	4.600	4.572	4.600	4.572	28		100%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.844	33.200	15.844	15.844	1.082	17.347	
I	Công trình Thủy lợi	9.500	16.739	9.500	9.500	697	7.229	
1	Tiêu úng các xã Yên-Mỹ-Thành	2.000	3.579	2.000	2.000	0	1.568	100%
2	Kè nạo vét lạch xã Xuân Thành	3.000	6.591	3.000	3.000	190	3.591	100%
3	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Đồng Trày, xã Xuân Viên	4.500	6.569	4.500	4.500	508	2.069	100%
II	Công trình giao thông	6.344	16.462	6.344	6.344	385	10.118	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tền Điền-Xuân Yên	6.344	16.462	6.344	6.344	385	10.118	100%



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân	
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ		Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	TỔNG SỐ	63.995	36.695	37.518	35.518	1.975	1.283	
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	14.500	14.902	14.500	14.500	0	873	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	9.500	9.864	9.500	9.500	0	845	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1)	7.000	8.526	7.000	7.000		845	100%
2	Trồng cây chắn sóng đê Hội Thống	2.500	1.339	2.500	2.500			100%
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	5.000	5.037	5.000	5.000	0	28	
1	Hạ tầng giao thông, điện vùng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân	5.000	5.037	5.000	5.000		28	100%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	22.318	20.770	22.318	20.318	1.975	410	
I	Công trình Thủy lợi	479	469	479	479	0	0	
1	Tiêu úng các xã Yên-Mỹ-Thành	479	469	479	479			100%
II	Công trình giao thông	11.039	8.071	11.039	9.039	1.975	410	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tên Điền-Xuân Yên	2.663	3.074	2.663	2.663	-25	410	100%
2	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phổ, Xuân Trường	6.376	4.998	6.376	6.376			100%

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:		
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Con Hò xã Xuân Đan	2.000		2.000		2.000	100%
III	Công trình Dân dụng	4.800	5.977	4.800	4.800	0	0
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND huyện Nghi Xuân, KVI	2.300	3.477	2.300	2.300		100%
1	Nhà hiệu bộ THCS tiến Yên, xã Tiên Điền	2499,91	2500	2499,91	2499,91		100
IV	Công trình Hạ tầng kỹ thuật	6.000	6.253	6.000	6.000	0	0
1	Khu tái định cư phục vụ Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội – Xuân Phổ	6.000	6.253	6.000	6.000		100%
C	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	27.177	1.023	700	700	0	0
I	Công trình Thủy lợi	27.177	1.023	700	700	0	0
1	Tuyến đê hữu Sông Lam đoạn từ Cầu Bến Thủy đến đê Hội Thống giai đoạn 2 (từ Km6+925 đến Km7+804)	27.177	1.023	700	700		3%



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân	
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ		Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	TỔNG SỐ	51.762	73.034	69.353	63.788	4.993	0	134%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	12.802	15.892	12.802	12.802	0	0	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	6.152	8.229	6.152	6.152	0	0	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1)	5.000	5.916	5.000	5.000			100%
2	Trồng cây chắn sóng đê Hội Thống	1.152	2.313	1.152	1.152			100%
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	6.650	7.662	6.650	6.650	0	0	
1	Hạ tầng giao thông, điện vùng nuôi tôm trên cát xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân	1.650	2.457	1.650	1.650			100%
2	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đan - Xuân Phô - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	5.000	5.206	5.000	5.000			
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	37.223	42.583	37.223	36.650	0	0	
I	Công trình Thủy lợi	2.000	2.627	2.000	2.000	0		
1	Kè nạo vét lạch xã Xuân Thành	1.000	1.451	1.000	1.000		190	100%
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh Nước xã Cương Gián	1.000	1.176	1.000	1.000			100%
II	Công trình giao thông	21.500	26.921	21.500	21.500	0	0	
1	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phô, Xuân Trường	2.000	4.367	2.000	2.000			100%

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	
2	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	2.000	2.335	2.000	2.000			100%
3	Tuyến đường vào khu NTTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ	1.500	1.587	1.500	1.500			100%
4	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu Di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m còn lại thuộc đoạn Km4+600 – Km6+649,19 của Tuyến I	8.000	10.331	8.000	8.000			100%
3	đường GTNT giữa Đông Kỳ đi Đông Trám vào khu trồng rau sạch công nghệ cao xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	5.000	5.000	5.000	5.000			100%
5	Đường trục chính xã Xuân Liên kết hợp vào khu sản xuất nuôi trồng thủy sản	3000	3301	3000	3000			100%
III	Công trình Dân dụng	13.023	12.458	13.023	12.450			100%
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND huyện Nghi Xuân, KV1	2.523	1.346	2.523	2.523			100%
2	Nhà làm việc 02 tầng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Xuân	1.000	1.541	1.000	1.000			100%
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa Nguyễn Du	4.500	5.144	4.500	4.500	295		100%
4	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường Mầm non Xuân Hồng	3.000	2.705	3.000	2.705	277		100%
5	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội	2.000	1.723	2.000	1.723	0	0	
IV	Công trình Hạ tầng kỹ thuật	700	577	700	700			100%
1	Khu tái định cư phục vụ Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội – Xuân Phổ	700	577	700	700	4.993	0	
C	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	1.738	14.559	19.329	14.336	4.993	0	
I	Công trình Thủy lợi	1.738	14.559	19.329	14.336	4.993		
1	Tuyến đê hữu Sông Lam đoạn từ Cầu Bền Thủy đến đê Hội Thống giai đoạn 2 (từ Km6+925 đến Km7+804)		12.598	17.591	12.598			100%
2	Trồng cây chắn sóng bảo vệ Tuyến đê hữu Sông Lam	1.738	1.961	1.738	1.738			



Biểu số 06. CHI TIẾT GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ giải ngân	
			Tổng số	Trong đó gồm:				
				Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	TỔNG SỐ	59.598	81.777	68.484	56.309	12.316	5.624	115%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	32.231	24.784	32.231	20.786	11.445	0	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển đê sông	1.500	499	1.500	1.500	0	0	
1	Nâng cấp đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn I)	1.500	499	1.500	1.500			100%
II	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	11.682	13.928	11.682	11.682	0	0	
1	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đạn - Xuân Phổ - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân (giai đoạn I)	11.682	13.928	11.682	11.682			
III	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	17.549	7.865	17.549	6.104	11.445	0	
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (Giai đoạn 2)	17.549	7.865	17.549	6.104	11.445		
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	1.500	2.492	1.500	1.500	0	0	
1	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn từ K27+00 đến K37+441,66) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián	1.500	2.492	1.500	1.500			100%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.367	43.270	27.367	26.637	871	631	
I	Công trình Thủy lợi	0	1.958	0	0	141	0	
1	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Đồng Trày, xã Xuân Viên		1.958			141		
II	Công trình giao thông	19.716	30.669	19.716	19.716	0	58	
1	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phổ, Xuân Trường	500	39	500	500			100%

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	
2	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	2.000	7.694	2.000	2.000			100%
3	Tuyến đường vào khu NTTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ	1.500	2.440	1.500	1.500			100%
4	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu Di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m còn lại thuộc đoạn Km4+600 – Km6+649,19 của Tuyến 1	5.000	5.966	5.000	5.000			100%
5	Đường trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung, sản xuất rau củ quả công nghệ cao xã Cổ Đàm (Giai đoạn I)	3.000	4.877	3.000	3.000			100%
3	đường GTNT giữa Đồng Kỳ đi Đồng Trầm vào khu trồng rau sạch công nghệ cao xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	5.000	5.000	5.000	5.000			100%
6	Đường trục chính xã Xuân Liên kết hợp vào khu sản xuất nuôi trồng thủy sản	2716	4654	2716	2716		58	
III	Công trình Dân dụng	7.651	10.643	7.651	6.921	730	573	
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa Nguyễn Du	477	758	477	477			100%
2	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường Mầm non Xuân Hồng	2.000	2.587	2.000	2.000		295	100%
3	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội	2.107	2.385	2.107	2.107		277	100%
4	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học - THCS Xuân Lĩnh	1.500	770	1.500	770	730		
1	Nhà hiệu bộ THCS tiên Yên, xã Tiên Điền	1566,775	4143	1566,775	1566,775			100
C	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	0	13.723	8.886	8.886	0	4.993	
I	Công trình Thủy lợi	0	13.723	8.886	8.886	0	4.993	
1	Tuyến đê hữu Sông Lam đoạn từ Cầu Bến Thủy đến đê Hội Thống giai đoạn 2 (từ Km6+925 đến Km7+804)		13.723	8.886	8.886		4.993	



Biểu số 06. CHI TIẾT GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:			
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	Vốn tạm ứng theo chế độ đã thu hồi qua các năm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
	TỔNG SỐ	20.913	37.236	15.184	15.184	7.832	4.343	73%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.572	8.979	3.320	3.320	7.832	3.613	
I	Chương trình Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	2.412	1.753	93	93	0	0	
1	Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Xuân Đan - Xuân Phổ - Xuân Hải, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	2.412	1.753	93	93			4%
II	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	4.160	7.226	3.227	3.227	7.832	3.613	
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (Giai đoạn 2)	4.160	7.226	3.227	3.227	7.832	3.613	78%
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.342	28.257	11.864	11.864	0	730	
I	Công trình Thủy lợi	1.000	4.368	1.000	1.000	0	0	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh Nước xã Cương Gián	1.000	4.368	1.000	1.000			100%
II	Công trình giao thông	11.142	16.688	8.664	8.664	0	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tên Điền - Xuân Yên	2.000						0%
2	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phổ, Xuân Trường	779	251	779	779			100%
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Con Họ xã Xuân Đan	2.863	8.762	2.863	2.863			100%
4	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	1.000		1.000	1.000			100%

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn	Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân
				Tổng số	Trong đó gồm:		
					Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ	
5	Tuyến đường vào khu NTTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ		2.167				
6	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu Di tích Đại thi hào Nguyễn Du đoạn 800m còn lại thuộc đoạn Km4+600 – Km6+649,19 của Tuyến 1	3.000	31.143	2.522	2.522		84%
7	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân	1.500	3.590	1.500	1.500		100%
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa, huyện Nghi Xuân (HL03)		1.887				
III	Công trình Dân dụng	2.200	7.201	2.200	2.200	0	730
1	Nhà làm việc 02 tầng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Xuân	1.100	1.365	1.100	1.100		100%
2	Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường Mầm non Xuân Hồng	1.000	4.231	1.000	1.000		100%
3	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học - THCS Xuân Lĩnh	100	1.606	100	100		730



Biểu số 07/TỈNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án công trình	Khởi công	Hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán	Giá trị đề nghị quyết	Giá trị quyết toán	Tăng (+), Giảm (-) so với		Số đã thanh toán	Kiến nghị thu vào Ngân sách	Chủ đầu tư
								Dự toán	A-B			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	TỔNG SỐ			193.842	187.646	160.359	159.526	-27.535	-833	142.349	0	
I	NĂM 2014			14.999	14.999	12.499	12.499	-2.501	0	12.499	0	
1	Tiêu úng các xã Yên- Mỹ- Thành	30/8/2011	15/9/2012	14.999	14.999	12.499	12.499	-2.501	0	12.499	0	UBND huyện
II	NĂM 2015			78.057	77.760	72.223	71.853	-5.907	-370	71.583	0	
1	Kè nạo vét lạch Xuân Thành	12/2011	12/2013	11.265	11.265	9.261	9.261	-2.004	0	9.261	0	UBND huyện
2	Nâng cấp tuyến đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1: Đoạn từ K2+559 đến K5+159,48)	15/11/2011	25/10/2013	60.925	60.925	58.119	57.769	-3.156	-350	57.498	0	UBND huyện
3	Cải tạo Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện Nghi Xuân, KVI	03/4/2014	03/12/2014	5.866	5.570	4.843	4.823	-747	-20	4.823	0	UBND huyện
III	NĂM 2016			56.882	56.680	41.425	40.962	-15.133	-463	34.036	0	
1	Khu tái định cư phục vụ Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội – Xuân Phổ	11/7/2014	03/02/2015	6.969	6.969	6.829	6.829	-139	0	6.700	0	UBND huyện
2	Nhà làm việc 02 tầng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Xuân	24/02/2015	08/6/2016	3.268	3.268	2.924	2.905	-362	-18	2.100	0	UBND huyện
3	Nâng cấp tuyến đê Hội Thống đoạn từ K0+00-K5+00 (giai đoạn 1: Đoạn từ K0+0,74 đến K0+826,48 đến K5+159,48)	28/5/2014	22/9/2015	22.246	22.246	10.089	9.691	-12.555	-398	9.366	0	UBND huyện
4	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An	21/01/2015	25/10/2016	11.525	11.525	10.076	10.029	-1.496	-46	5.000	0	UBND huyện
5	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội	04/12/2015	11/8/2016	4.890	4.687	4.107	4.107	-580	0	4.107	0	UBND huyện
6	Khu tái định cư phục vụ Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội – Xuân Phổ	26/5/2014	25/11/2014	7.985	7.985	7.400	7.400	0	0	6.763	0	UBND xã Xuân Hội

STT	Dự án, công trình	Khởi công	Hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán	Giá trị đề nghị quyết	Giá trị quyết toán	Tăng (+), Giảm (-) so với		Số đã thanh toán	Kiến nghị thu vào Ngân sách	Chủ đầu tư
								Dự toán	A-B			
IV	NĂM 2017			43.904	38.207	34.212	34.212	-3.994	0	24.232	0	
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa Nguyễn Du	19/5/2015	15/01/2016	6.266	6.266	5.903	5.903	-363	0	4.977	0	UBND huyện
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xanh Nước	20/11/2015	17/3/2017	6.359	6.131	5.544	5.544	-588	0	2.000	0	UBND huyện
3	Đường giao thông trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao xã Cổ Đạm	04/3/2016	19/01/2017	10.516	5.885	4.877	4.877	-1.008	0	3.000	0	UBND huyện
4	Đường GTNT kết hợp vào trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Mỹ và Hệ thống điện NTTS xã Xuân Phổ, Xuân Trường	14/9/2014	12/12/2014 & 23/02/2017	11.344	11.344	9.655	9.655	-1.689	0	9.655	0	UBND huyện
5	Nhà học 02 tầng 6 phòng Trường Tiểu học và THCS Xuân Lĩnh	15/9/2016	28/6/2017	2.844	2.058	2.041	2.041	-17	0	1.600	0	UBND huyện
6	Tuyến đường GTNT vào khu NTTS xã Cương Gián, hệ thống điện vào trang trại chăn nuôi bò, lợn tập trung xã Xuân Mỹ	17/8/2015	22/5/2017	6.576	6.522	6.193	6.193	-329	0	3.000	0	UBND huyện



Biểu số 10. THỰC TRẠNG CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG SỬ DỤNG KÉM HIỆU QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Địa bàn/Tên dự án	Chủ đầu tư	Đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng công trình	Quyết định phê duyệt dự án			Thời gian khởi công - hoàn thành (theo QĐ)	Thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng	Quyết định quyết toán		Thực trạng sử dụng	Nguyên nhân sử dụng kém hiệu quả	Đề xuất phương án xử lý	Ghi chú
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Số, ngày	Tổng quyết toán				
IV	HUYỆN NGHI XUÂN											KHÔNG		